

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH QUYỂN 5

Phần thứ 3, (Đoạn 2): TƯỚNG CỦA ĐỐI TƯỢNG NHẬN THỨC

Luận nói: “Làm sao được biết, như tự tánh Y tha khởi, tự tánh Biến kế sở chấp, hiển hiện mà không xứng với thể? Do danh tiền giác vô xứng thể tương vi, do danh hữu chúng đa, đa thể tương vi do danh bất quyết định tạp thể tương vi. Trong đây có hai bài tụng:

*Do danh tiền giác không,
Đa danh bất quyết định,
Thành xứng thể, nhiều thể
Vi tạp thể trái nhau.
Pháp không mà khả đắc
Không nhiễm mà có tịnh,
Phải biết đều như huyễn...
Cũng lại tự hư không”.*

Giải thích: Như Y tha khởi và Biến kế sở chấp, tuy phần hiển hiện khả đắc, nhưng không xứng với thể của nó, để hiển hiện nghĩa này nên nói “Danh tiền giác vô...”. Nếu Y tha khởi cùng với Biến kế sở chấp đồng nhất tướng, thì lìa danh được giữ lấy của nó đối với Biến kế sở chấp đáng lẽ sinh giác, nếu như không thể nói chỗ lãnh thọ của tự mình, trong chỗ đắc Y tha khởi của hiện lượng, thì không chờ đối với danh mà sinh giác, đã không có sự này, nên Y tha khởi và Biến kế sở chấp, thể của nó thì tương xứng, cùng với lý thì trái nhau. “Do danh hữu chúng đa, đa thể tương vi”, là do lực ý giải trong Y tha khởi lường xét đối với nghĩa, trong một nghĩa lập nhiều danh, như sách Ni-kiên-đồ, chỉ một vật mà đặt nhiều tên, trên một con bò mà lập vô số danh, không phải đối với một vật có nhiều tự tánh mà không trái nhau. Y tha khởi và Biến kế sở chấp không đồng một tướng. “Do danh bất quyết định tạp thể tương vi”, là đối với nhiều vật loại tùy theo chỗ muốn của nó mà kiến lập một danh. Lại nữa, một loại danh, tùy xứ tùy thời mà riêng làm đề mục cho

các nghĩa. Nếu danh và nghĩa đồng một tướng, thì nghĩa phải xen tạp lẫn nhau. Đã không có sự này, nên không như danh mà có nghĩa của nó. Trong Đà-tha, bài Đà-tha thứ nhất lược tóm nghĩa nói trên cho dễ nhớ chắc. Bài Đà-tha sau thì ngay Biến kế sở chấp và Viên thành thật mà giải thích chung vấn nạn.

Luận nói: “Lại nữa, tại sao như đã hiển hiện thật là không có, mà tự tánh Y tha khởi không phải hết thấy chủng? Hết thấy chủng đều là không có, nếu không có Y tha khởi này thì tánh Viên thành thật cũng là không có, nếu không có Y tha khởi này thì hết thấy chủng đều không có. Nếu Y tha khởi và tánh Viên thành thật không có, thì phải thành lỗi không có nhiễm, tịnh, đã hiển hiện tạp nhiễm và thanh tịnh khả đắc nên không phải hết thấy chủng đều là không có. Trong đây có tụng:

*Nếu không Y tha khởi,
Viên thành thật cũng không,
Hết thấy chủng nếu không,
Thì luôn không nhiễm tịnh”.*

Giải thích: “Không phải hết thấy chủng đều là không có”, là không phải hết thấy chủng hiển hiện căn bản của chỗ dựa nơi đối tượng duyên đều là không có. “Lại nữa, hết thấy chủng”, là tất cả thời. “Tánh Viên thành thật cũng là không có”, nếu không có tạp nhiễm thì thanh tịnh cũng không.

Hỏi: hai tánh nếu không có, thì tánh Viên thành thật đáng nên thành tựu, tại sao lại nói không có?

Đáp: Tự tánh thanh tịnh thì tánh Viên thành thật cũng được như thế. Lìa cấu thanh tịnh thì tánh Viên thành thật không được như thế. Văn tụng dễ hiểu, không cần giải thích lại.

Luận nói: “Chư Phật Thế Tôn trong Đại thừa thuyết giáo pháp phương quảng, trong giáo pháp đó nói: “Tại sao phải biết tự tánh Biến kế sở chấp? Phải biết dị môn nói không có. Thế nào phải biết tự tánh Y tha khởi? Phải biết ví như huyễn, diêm, mộng, tượng, quang, ảnh, tiếng vang, trăng dưới nước, biến hóa. Thế nào phải biết tự tánh Viên thành thật? Phải biết tuyên thuyết bốn pháp thanh tịnh. Những gì là bốn pháp thanh tịnh? 1. Tự tánh thanh tịnh, là chân như không, thật tế pháp giới vô tướng thắng nghĩa. 2. Ly cấu thanh tịnh, tức là lìa hết thấy chướng cấu này. 3. Đắc thủ đạo thanh tịnh, tức là tất cả phần pháp Bồ-đề Ba-la-mật-đa... của Bồ-tát. 4. Sinh tử cảnh thanh tịnh, là chánh pháp giáo vi diệu của các Đại thừa, vì duyên nơi pháp giáo thanh tịnh này không phải tự tánh Biến kế sở chấp, vì pháp giới đẳng lưu tối thanh tịnh không

phải tự tánh Y tha khởi, bốn pháp như vậy gồm thâu chung hết tất cả pháp thanh tịnh. Trong đây có hai bài tụng:

*Huyễn... nói đối với sinh,
Nói không kể sở chấp,
Nếu nói bốn thanh tịnh,
Đó là Viên thành thật.
Tự tánh và lia cấu,
Đạo thanh tịnh sở duyên,
Hết thấy pháp thanh tịnh,
Là bốn tướng thâu tóm”.*

Giải thích: Trong Đại thừa giáo, muốn phương tiện nói ba thứ tự tánh nên đặt câu hỏi “Phải biết dị môn nói không có”, là nói Biến kế sở chấp tức là dị môn, nói vô sở hữu là rốt ráo không có. Tự tánh Y tha khởi như huyễn, diệm..., nghĩa sai biệt sẽ nói sau. “Tự tánh thanh tịnh”, tự tánh này trong vị trí Dị sinh (phàm phu) cũng là thanh tịnh. “Chân như”, là tánh không biến đổi, là cộng tướng bình đẳng của tất cả pháp, tức là do chân như này mà trong Thánh giáo nói tất cả hữu tình đều có Như Lai tạng. “Không”, là Biến kế sở chấp trên Y tha khởi, vĩnh viễn không có chỗ hiển lý tánh chân thật. “Thật tế”, là chân nên gọi là thật, cứu cánh nên gọi là tế, chữ tế này tức là biên tế (biên vực). “Vô tướng”, là vĩnh viễn lia tất cả tướng của sắc. “Thắng nghĩa”, tức là chỗ chứng nghĩa của thắng trí. “Pháp giới”, tức là tất cả nhân của pháp tịnh. Pháp giới này là nhân của pháp giới, như nói kim cương giới... “Lia cấu thanh tịnh”, văn đó dễ hiểu, không cần giải thích lại. “Đắc đạo thanh tịnh ấy” là có khả năng chứng đắc nghĩa chân như lia cấu đạo thanh tịnh. “Bồ-đề” là vĩnh viễn đoạn phiền não và sở tri chướng. Vô cấu, vô ngại là tự tánh, tùy thuận với Bồ-đề kia nên gọi là phần, tức là ba mươi bảy phẩm như bốn niệm trụ..., và cùng với mười thứ Ba-la-mật-đa. Ba-la-mật-đa phần sau sẽ nói rộng. “Đẳng (vân vân...) Là đồng lấy tất cả Thánh đạo. “Sinh cảnh thanh tịnh ấy”, tức là đã nói Thánh đạo của Bồ-đề phần ở trước. Văn hai bài tụng còn lại, nghĩa dễ hiểu, không cần giải thích lại.

Luận nói: Lại nữa, như kinh đã nói, là nhân duyên gì mà đối với tự tánh Y tha khởi nói các thí dụ huyễn...? Đối với tự tánh Y tha khởi, vì trừ nghi hư vọng của kẻ khác. Kẻ khác lại làm sao nổi nghi cho rằng tự tánh Y tha khởi là hư vọng? Vì họ đối với Y tha khởi này có nghi như vậy. Thế nào là thật vô nghĩa mà thành cảnh giới chỗ hành? Vì trừ nghi này nên nói thí dụ sự huyễn. Thế nào là vô nghĩa mà tâm, tâm pháp

chuyển? Vì trừ nghi này nên nói thí dụ dương diệm (nắng chói lóa). Thế nào là vô nghĩa mà có thọ dụng ái phi ái sai biệt? Vì trừ nghi này mà nói thí dụ mộng. Thế nào là vô nghĩa mà nghiệp tịnh, bất tịnh, quả ái phi ái sai biệt sinh? Vì trừ nghi này nên nói thí dụ ảnh tượng. Thế nào là vô nghĩa mà vô số thức chuyển? Vì trừ nghi này nên nói quang ảnh. Thế nào là vô nghĩa mà vô số hý luận ngôn thuyết chuyển? Vì trừ nghi này nên nói thí dụ về tiếng vang nơi hang sâu. Thế nào là vô nghĩa mà có thật nắm lấy cảnh của nơi hành của các Tam-ma-địa chuyển? Vì trừ nghi này nên nói thí dụ về trăng dưới nước. Thế nào là vô nghĩa mà có các Bồ-tát tâm không điên đảo? Vì phân rõ các sự lợi lạc của hữu tình nên tư và thọ sinh, vì trừ nghi này nên nói thí dụ biến hóa”.

Giải thích: “Nghi hư vọng”, là đã khởi các nghi đối với nghĩa hư vọng. “Thế nào là thật vô nghĩa mà khi Biến kế sở chấp hiển hiện phân minh tợ cảnh nơi chỗ hành trì? Vì trừ nghi này nên nói thí dụ sự huyền. Như thật không có hình tượng mà cảnh giới đối tượng duyên của hình tượng huyền. Y tha khởi cộng lại như vậy, dù không có sáu xứ đối tượng sắc... nhưng khi suy tính khắp thì dường như hiện rõ sáu thứ đối tượng. Lại nữa, như dương diệm (sóng nắng giống như dòng nước) khi dao động thì thật không có nước mà có biết về nước. Ngoại khí thế gian cũng lại như vậy. Lại nữa, như trong mộng đã khởi trong khi ngủ, tâm và tâm pháp tự trở nên rất hôn mê mờ ám, tuy không có các thứ nghĩa cảnh của nữ nhân mà có thọ dụng của ái và phi ái, khi giác cũng vậy. Lại nữa, như ảnh tượng trong gương, thấy trở lại bản chất mà cho ta hiện đang riêng thấy ảnh tượng. Ảnh tượng này thật ra là không có, không phải tư nghiệp thiện, ác của địa đẳng dẫn. Bản chất vì duyên ảnh tượng, quả sinh cũng lại như vậy. Lại nữa, như quang ảnh do người giỡn bóng, che khuất ánh sáng đó mà khởi các thứ bóng, vô số thức trong địa của các định đối với nghĩa không thật sai biệt mà chuyển. Lại nữa, như tiếng vang nơi hang, thật không có âm thanh mà khiến cho người nghe, tợ như nghe nhiều thứ cảnh giới nói năng, vô số ngữ nghiệp của nói năng cũng vậy. Lại nữa, như trăng trong nước, do tánh của nước nhuận láng trong lặng, tuy không có trăng mà trăng có thể nắm lấy, duyên sự huân tập tu thẩm nhuần của cảnh thật nghĩa là tánh, ý của các Tam-ma-địa tương ưng cũng lại như vậy. Tuy không có đối tượng là cảnh giới thật nghĩa nhưng mà dường như có chuyển. Cảnh giới này và ảnh tượng có gì sai biệt? Địa định và địa bất định có sai biệt, có người nói mặt trăng nhiều duyên hoà hợp, bóng ảnh của mặt trăng trong gương nước phân minh có thể nắm lấy, như Pha-chi-ca nhiều màu có các thứ màu sắc sinh,

không phải sự giữ lấy sai biệt như vậy hay sao? Như lia gương nước mà bóng của mặt trăng phân minh khả đắc, thì sự hiện nhiều màu sắc của pha-chi-ca không như vậy, nên không phải đồng dụ. Lại nữa, không phải chúng ta thừa nhận có nước, mà các thứ thật nghĩa hữu pháp không thành, nên không phải tỷ lượng. Lại nữa, như biến hóa, nường vào biến hóa này mà gọi là biến hóa, tuy không có thật nhưng có thể biến hóa không có điên đảo, đối với việc giáo hóa, nó có công siêng làm, Bồ-tát cũng như thế, tuy không có Biến kế sở chấp, nhưng hữu tình đối với Y tha khởi, các loại hữu tình do thương xót mà đến các chỗ sinh kia thân nhận tự thể. Phải biết trong đây chỉ có chỗ nghi hư vọng như vậy, gọi là thọ dụng nội ngoại sai biệt, thân nghiệp, ngữ nghiệp và ba loại ý nghiệp không phải địa đẳng dẫn. Nếu địa đẳng dẫn không có điên đảo thì đối với tám sự này mà các Phật Thế Tôn nói tám thứ thí dụ. Các bậc có trí nghe những điều nói đó, trong nghĩa của địa định và địa bất định có thể hiểu biết đúng đắn.

Luận nói: “Nường vào mật ý nào mà trong kinh Phạm vấn Thế tôn nói: “Như Lai không đắc sinh tử, không đắc Niết-bàn, trong tự tánh Y tha khởi, nường vào tự tánh Biến kế sở chấp và tự tánh Viên thành thật, mà sinh tử và Niết-bàn không có mật ý sai biệt”. Tại sao vậy? Tức tự tánh Y tha khởi này, do Biến kế sở chấp chia thành sinh tử, do Viên thành thật chia thành Niết-bàn”.

Giải thích: “Thế tôn nường vào mật ý nào” cho đến “Không có mật ý sai biệt”, đoạn văn hoặc hỏi hoặc đáp, nghĩa của nó đều dễ hiểu, không cần giải thích lại. “Tại sao vậy”? Câu sau giải thích câu trước, sinh tử và Niết-bàn không có mật ý sai biệt. Nếu loại trừ biến kế vĩnh viễn không có, thì ngoài ra không đắc sinh tử. Khi không đắc sinh tử này liền được quán thấy Niết-bàn tịch tịnh, nhưng trong đó chỉ nói thiên về một bên, nên không thành tánh sai biệt. Vì xưa trừ điên đảo chấp trước sai biệt của ngu phu và tánh định, cũng tức là hiển thị nghĩa Y tha khởi nên nường vào hai tự tánh mà không quyết định.

Luận nói: “Trong kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma, đức Bạc-già-phạm nói pháp có ba thứ: 1. Phần tạp nhiễm. 2. Phần thanh tịnh. 3. Cả hai phần kia. Nường vào mật ý nào Ngài nói như vậy? Trong tự tánh Y tha khởi, thì tự tánh Biến kế sở chấp là phần tạp nhiễm, tự tánh Viên thành thật là phần thanh tịnh, ngay Y tha khởi là cả hai phần kia, nường vào mật ý này mà nói như vậy. Trong nghĩa này lấy thí dụ gì để hiển? Lấy vàng ẩn giấu nơi đất làm dụ để hiển. Ví như trong vàng ẩn giấu nơi đất của thế gian có ba pháp có thể được: 1. Địa giới. 2. Đất. 3. Vàng. Đất

trong địa giới không phải thật có mà hiện có thể được. Khi đốt lửa luyện thì tướng đất không hiện mà tướng vàng hiển hiện. Lại nữa, khi đất của địa giới này hiển hiện là hư vọng hiển hiện, khi vàng hiển hiện là chân thật hiển hiện, nên địa giới là cả hai phần. Thức cũng như vậy, khi trí lửa vô phân biệt chưa đốt luyện thì trong thức này, hết thấy hư vọng tự tánh Biến kế sở chấp hiển hiện, hết thấy tự tánh Viên thành thật không hiển hiện. Thức này, khi được trí lửa vô phân biệt đốt luyện thì trong thức này, cả thấy tự tánh Viên thành thật chân thật hiển hiện, cả thấy tánh Biến kế sở chấp hư vọng không hiển hiện, nên thức phân biệt hư vọng này là tự tánh Y tha khởi có hai phần kia, như cả thấy địa giới trong vàng ẩn giấu nơi đất.

Giải thích: Ba pháp khả đắc trong vàng ẩn giấu nơi đất là thí dụ cho ba tự tánh. “Địa giới”, là dùng kiên là tánh. “Tàng”, là chủng tử của vàng đất. “Vàng đất”, là hiển sắc và hình sắc, như thứ tự do đại chủng tạo của nó mà làm thể của ba pháp. “Khi đất của địa giới này hiển hiện là hư vọng hiển hiện”, vì không phải tánh của nó. “Khi vàng hiển hiện là chân thật hiển hiện”, là tánh của nó. “Cho nên địa giới là cả hai phần kia”, là hai thứ phần đất và vàng. Địa giới thì dụ cho tánh Y tha khởi, đất thì dụ cho tự tánh Biến kế sở chấp, vàng thì dụ cho tánh Viên thành thật. “Thức cũng như vậy”, là lấy pháp thí dụ chung, vì tánh Duy thức là Y tha khởi, Biến kế sở chấp và Viên thành thật là tánh phần này. Khi được lửa trí vô phân biệt thiêu luyện thì hai thứ tánh phần chân thật và hư vọng, theo thứ tự của nó mà một hiển hiện, một không hiển hiện.

Luận nói: “Có nơi Thế tôn nói tất cả pháp là thường, có nơi nói tất cả pháp là vô thường, có nơi nói tất cả pháp là phi thường phi vô thường. Nương vào mật ý nào mà nói như vậy? Là tự tánh Y tha khởi do tánh Viên thành thật chia là thường, do tánh Biến kế sở chấp chia là vô thường, do hai phần kia chia là phi thường phi vô thường, nương vào mật ý này mà nói như vậy. Như vậy thường vô thường không hai, khổ lạc không hai, tịnh, bất tịnh không hai, không, bất không không hai, ngã, vô ngã không hai, tịch tĩnh, bất tịch tĩnh không hai, hữu tự, tánh vô tự tánh không hai, sinh, bất sinh không hai, diệt, bất diệt không hai, bản lai tịch tĩnh, phi bản lai tịch tĩnh không hai, tự tánh Niết-bàn, phi tự tánh Niết-bàn không hai, sinh tử, Niết-bàn không hai cũng như thế. Những sai biệt như vậy, tất cả ngữ ngôn mật ý của chư Phật, do ba tự tánh nên phải theo đó mà quyết định hiểu rõ, như đã nói các thường, vô thường ở trước... trong đây có nhiều bài tụng:

Như pháp thật không có,

Như hiện không phải một,
 Phi pháp phi phi pháp,
 Cho nên nói vô nghĩa.
 Nương một phần khai hiển,
 Hoặc có hoặc không có,
 Nương hai phần mà nói,
 Phi hữu, phi phi hữu.
 Như hiển hiện phi hữu,
 Cho nên nói là không ,
 Do như vậy hiển hiện,
 Cho nên nói là có.
 Tự nhiên tự thể không ,
 Tự tánh không kiên trụ,
 Như chấp thủ bất có,
 Là nhận tự tánh không .
 Do vô tánh mà thành,
 Chỗ nương dựa sau đó,
 Vô sinh diệt bản tịch,
 Tự tánh bát Niết-bàn”.

Giải thích: “Có nơi nói Thế tôn tất cả pháp là thường...”, là pháp tánh chân như của Y tha khởi, thể là thường trụ, biên thể của phần tự tánh Biến kế sở chấp là vô thường. Biến kế này thường không có nên tánh này thường không có, do đó gọi là vô thường, không phải có sinh diệt mà gọi là vô thường. Chỗ dựa của hai phần là vô thường cũng là phi vô thường, là tánh vô hai (không hai). “Lạc”, tức là phần Viên thành thật. “Khổ”, tức là phần Biến kế sở chấp. “Không hai”, là phần Y tha khởi. Như vậy “Tịnh, bất tịnh, không, bất không, ngã, vô ngã, tịch tĩnh, bất tịch tĩnh, hữu tự tánh, vô tự tánh, sinh, bất sinh, diệt, bất diệt, bản lai tịch tĩnh, phi bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn, phi tự tánh Niết-bàn, sinh tử, Niết-bàn không hai...”, như sự thích ứng của nó đều nương vào ba tánh để giải thích sai biệt. Vì khiến cho hữu tình dễ thọ trì, nên lại nói tụng. “Như pháp thật không có...”, câu kết của văn trường hàng thì dễ hiểu, là như đã hiển hiện, vì không phải hữu tánh nên phi pháp, nhưng hiển hiện được nên phi phi pháp, do phi pháp phi phi pháp này mà nói nghĩa không hai. Như vậy phải giải thích nương vào một phần để khai hiển, hoặc là có hoặc là không có, như sự hiển hiện không có như vậy mà có hiển hiện, nên nương vào hai phần mà nói là phi hữu cũng phi phi hữu, vì tánh vô nhị. Như trước phải biết “Như hiển hiện phi

hữu”, là đối tượng giữ lấy và chủ thể giữ lấy của ngã tánh và pháp tánh, những thể như vậy đều là không có tánh, là chỗ chứng của phi lượng nên nói là không. “Do như vậy hiển hiện”, là như Tát-ca-da kiến, thật ra không có ngã và ngã sở, chỉ từ vô thủy đến nay, do lực của hý luận huân tập chuyển biến, tương tự có mà hiển hiện. Thức này cũng vậy nên nói là có, do thanh vô nhị (tiếng không hai) của môn tĩnh lực chuyển không giống như dị loại. Nếu như thế thì thành bất đồng luận ly hệ. Há có tương tự kia nương vào tà kiến, đây nương vào chánh kiến, kia chấp tánh trái nhau không phải một, chỉ vì không muốn trái với tất cả chỗ nhận biết nên nói vô nhị. Tánh Y tha khởi trong pháp Phật này, trong hai tánh không quyết định thuộc một, nên nói vô nhị, do đó lý của kia, đây rất xa. “Tự nhiên tự thể không”, là vì dựa vào nhiều duyên nên tự nhiên không có, sát-na đã sinh trước nên không phải mới, gọi là tự thể vô tự tánh. “Không kiên trụ”, là một sát-na sau thì tánh diệt hoại. Đây là lý cộng vô tự tánh vì chung với Thanh-văn. “Như chấp giữ không có cho nên chấp nhận vô tự tánh”, đây là lý bất cộng vô tự tánh, như có chấp điên đảo thì có ngã... như vậy sự chấp các pháp đều là không có của ngu phu, trong Đại thừa thì thừa nhận tất cả pháp đều vô tự tánh. “Do vô tánh mà thành”, là do vô tự tánh mà đạo lý của vô sinh diệt thành lập. “Chỗ dựa sau đó” là do vô tự tánh nên không có sinh, do không có sinh nên không có diệt. Vì vô sinh diệt nên bản lai tịch tĩnh, vì xưa nay tịch tĩnh nên tự tánh Niết-bàn. Phải biết trong đây, những câu sau cùng nương vào các câu trước mà được giải thích. Như vậy bốn thứ phương tiện thắng hạnh tùy thuận có thể nhập hiện quán của Bồ-tát, ví như các hạnh vô thường... của Thanh-văn.

Luận nói: “Lại có bốn thứ ý thú và bốn thứ bí mật, tất cả lời Phật nói phải tùy theo đó mà quyết định hiểu rõ.

Bốn thứ ý thú: 1. Bình đẳng ý thú, là như nói: “Ta khi xưa đã từng đối với thời gian kia, phần kia”, gọi là bậc thắng quán chánh đẳng giác. 2. Biệt thời ý thú, là như nói rằng: “Nếu người tụng danh hiệu Như Lai đa bảo, thì liền đối với chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng đã đắc quyết định”. Lại nữa, như nói rằng: “Chỉ do phát nguyện thì liền vãng sinh thế giới cực lạc”. 3. Biệt nghĩa ý thú, là như nói rằng: “Nếu đã phụng sự các Phật nhiều như số cát sông Hằng, thì mới có thể hiểu nghĩa pháp Đại thừa”. 4. Bồ-đặc-già-la ý thú, là như làm một Bồ-đặc-già-la trước hết phải tán thán bố thí, sau đó thì trở lại chê trách bố thí. Như vậy Thi-la và tu một phần phải biết cũng vậy, như thế gọi là bốn loại ý thú.

Bốn bí mật: 1. Khiến nhập bí mật, là trong Thanh-văn thừa, hoặc

trong Đại thừa, nương vào lý của thế tục đế mà nói có Bồ-đặc-già-la và có các pháp với tự tánh sai biệt. 2. Tướng bí mật, là nơi xứ kia nói các pháp tướng hiển bày ba tự tánh. 3. Đối trị bí mật, là nơi xứ kia nói tám vạn bốn ngàn hạnh đối trị. 4. Chuyển biến bí mật, là nơi xứ kia lấy biệt nghĩa của nó, thì những lời những chữ liền hiển biệt nghĩa. Như có tụng nói:

*Giác bất kiên làm kiên,
Khéo trụ trong điên đảo,
Cực phiền não sở não,
Đắc tối thượng Bồ-đề”.*

Giải thích: Quán xa nơi người khác có ý muốn đều dấy họ, gọi là ý thú. Quán gần đối với người khác, muốn khiến cho ngộ nhập, gọi là bí mật. “Bình đẳng ý thú”, có Luận nói Phật do tư lương... tương tự lẫn nhau, nói : “Ta khi xưa đã từng trong thời gian đó...”, nếu như có ý duyên lẫn nhau thì tánh tương tự khởi nói như vậy: “(Phật) kia tức là ta”, nhưng không phải Phật Tỳ-bát-thi khi xưa, tức là Thế Tôn Thích-ca-mâu-ni Phật ngày nay.

“Biệt thời ý thú”, là quán về biếng trễ, là người không khả năng tu học pháp tinh cần, nên nói như vậy: “Nếu người tụng danh hiệu Như Lai Đa Bảo, liền đắc quyết định, chỉ do phát nguyện thì liền vắng sinh thế giới cực lạc”. Ý này là trường dưỡng thiện căn lúc trước, như thế gian nói chỉ do một đồng tiền mà được cả ngàn đồng tiền.

“Biệt nghĩa ý thú”, là tướng chứng pháp nghĩa Đại thừa rất khác với tướng giáo pháp nghĩa Đại thừa. Do ý thú này mà nói như vậy: “Nếu đã phụng sự các Phật nhiều như số cát sông Hằng, thì mới có khả năng hiểu nghĩa vô cùng cao xa pháp Đại thừa”. Đối với pháp Đại thừa chọn lấy bậc Thánh là tự trong nội chứng, chọn lựa bỏ, tùy theo lời hiểu rõ nghĩa.

“Bồ-đặc-già-la ý thú”, là trước kia vì xan tham mà khen ngợi bố thí, sau đó vì ưa thích bố thí mà chê trách bố thí. Trước kia vì phạm giới mà tán thán Thi-la, sau đó vì trì giới mà chê trách Thi-la, là vì muốn khiến cho tu phẩm Thiện Thù Thắng. “Tu một phần”, là thế gian tu. “Khiến nhập bí mật”, là có kinh Luận nói Bồ-đặc-già-la và hết thấy pháp tự tánh sai biệt, vì khiến cho ngộ nhập lý của thế tục đế, như trong Thanh-văn thừa nói có hoá sinh các hữu tình..., như trong Đại thừa vì hoá độ nổi kinh sợ đoạn diệt nơi các hữu tình, nên nói tâm thường... “Tướng bí mật”, là vì khiến cho ngộ nhập tướng của đối tượng nhận thức. “Đối trị bí mật”, là vì đối trị chỗ cần đối trị tham... nơi tám vạn bốn ngàn các

hạnh sai biệt. “Chuyển biến bí mật”, là đối với nghĩa của chữ chuyển biến sai biệt. “Giác bất kiên làm kiên”, cương cường lưu tán gọi là kiên, không phải giác này kiên (chắc) nên gọi là bất kiên, tức điều nhu không có định tán loạn, là trong đây khởi huệ giác kiên cố đó là kiên. “Khéo trụ trong điên đảo”, là đối với bốn điên đảo có khả năng khéo an trụ, như vậy điên đảo quyết định không có động. “Cực phiền não sở não”, là vì sự hoá độ hữu tình tinh tấn cần cù mà mệt nhọc, như có tụng nói: “Nơi sinh tử não lâu, chỉ do nơi đại bi...”. “Đắc Bồ-đề tối thượng”, là đắc nghĩa tam Bồ-đề của các Phật.

Luận nói: “Nếu có người muốn tạo giải thích pháp Đại thừa, thì lược có ba tướng phải tạo giải thích đó: 1. Do thuyết duyên khởi. 2. Do thuyết từ duyên khởi sinh pháp tướng. 3. Do thuyết ngữ nghĩa.

Giải thích: Vì muốn khai thị cho người tạo giải thích để giải thích đạo lý nên nói sơ lược do ba tướng.

Luận nói: “Trong đây thuyết duyên khởi, như nói:

*Nói huân tập sinh khởi,
Các pháp đây nương kia,
Dị thực và thức chuyển,
Làm duyên sinh lẫn nhau”.*

Giải thích: Như vậy duyên khởi và pháp duyên sinh, nơi chỗ dựa của đối tượng nhận thức xứ đã phân rõ tướng của nó, đã giải thích ba thứ tướng duyên khởi, bây giờ trong đây lược hiển thức A-lại-da cùng với thức chuyển của nó làm nhân quả lẫn nhau, nên trong Đà-tha nói những câu “Nói huân tập sinh khởi...”

Luận nói: “Lại nữa, tướng pháp của thức chuyển kia, là thức hữu tướng hữu kiến làm tự tánh. Lại nữa, thức chuyển kia lấy nơi dựa làm tướng, Biến kế sở chấp làm tướng, pháp tánh làm tướng. Do đây hiển thị tướng ba tự tánh, như nói:

*Từ hữu tướng hữu kiến,
Phải biết ba tướng kia.*

Lại nữa, làm sao giải thích tướng kia? Là tướng Biến kế sở chấp trong tướng Y tha khởi thật ra là không có, tướng Viên thành thật trong đó thì thật có, do hai thứ này mà phi hữu và hữu, phi đắc và đắc, người chưa thấy chân đã thấy chân đồng thời. Nói trong tự tánh Y tha khởi vì không có Biến kế sở chấp, có Viên thành thật, khi các tánh này chuyển, nếu đắc kia thì không đắc đây, nếu đắc đây thì không đắc kia, như nói:

*Y tha, sở chấp không,
Thành thật trong đó có,*

*Cho nên đắc, bất đắc,
Trong đó hai bình đẳng”.*

Giải thích: “Thức hữu tướng hữu kiến làm tự tánh”, điều này như trước đã nói, tự tánh của tướng thức, là sắc thức... Và nhãn thức... tự tánh của kiến thức là căn thức thức... “Lại nữa, thức chuyển kia lấy chốn dựa làm tướng”, tướng Y tha khởi là chỗ nương dựa của hai tự tánh. “Biến kế sở chấp làm tướng”, tức là tự tánh Biến kế sở chấp. “Pháp tánh làm tướng”, tức là đối với phần tịnh được an lập này. Vì hiển nghĩa này nên nói nửa bài tụng:

*Từ hữu tướng hữu kiến,
Phải biết ba tướng kia.*

“Người chưa thấy chân đã thấy chân đều đồng thời”, là nếu lúc người chưa thấy chân trong tự tánh Y tha khởi thấy Viên thành thật không có, Biến kế sở chấp thì có, ngay lúc đó người đã thấy chân thì thấy Biến kế sở chấp không có, Viên thành thật thì có. Xứ nào người nào không có y tha ? Người không có sở chấp, vì trong Y tha khởi, Biến kế sở chấp không có. Trong đó làm sao có thành thật? Trong đó có, là vì trong Y tha khởi thì có Viên thành thật. Trong đây vọng thấy ngu phu, là do kiến điên đảo, không có thấy là có, có thấy là không có. Chân thật thấy Thánh là do kiến vô đảo, có thấy là có, không thấy là không. Để hiển nghĩa này nên nói nửa bài tụng sau:

*Cho nên đắc bất đắc,
Trong đó hai bình đẳng.*

Luận nói: “Nói về nghĩa là trước hết nói câu đầu tiên, sau đó lấy câu khác để phân biệt hiển thị, hoặc do đức xứ hoặc do nghĩa xứ”.

Giải thích: Như vậy không xét người nói dùng ý thú giải thích các nghĩa đã xong, bây giờ phải tùy thuận người nói dùng ý thú giải thích ngữ nghĩa. “Hoặc do đức xứ hoặc do nghĩa xứ”, là đức ý thú, do nghĩa ý thú, đã đắc tự tại đã đắc lợi ích viên mãn nên gọi là đức, chưa đắc tự tại mà đã đắc tùy thuận hưởng cầu nên gọi là nghĩa.

Luận nói: “Do xứ đức, là nói công đức giác ngộ tối thanh tịnh của Phật, hiện hành bất nhị tiến đến pháp vô tướng, trụ nơi Phật trụ, đắc tánh bình đẳng của hết thầy Phật, đến xứ vô chướng, pháp không thể chuyển, việc làm vô ngại, sự an lập bất khả tư nghì, dạo chơi trong pháp tánh ba đời bình đẳng. Thân đó lưu hành khắp tất cả thế giới, đối với tất cả trí pháp không có vướng mắc, đối với tất cả hạnh thành tựu Đại giác, đối với tất cả trí pháp không còn nghi hoặc. Phạm là sự hiện thân thì không thể phân biệt, là trí cầu đạt được của tất cả Bồ-tát... đắc

trụ vô nhị nơi bờ giác thù thắng của Phật, là diệu trí giải thoát cứu cánh không xen tạp, chứng Phật địa bình đẳng không biên giữa, cùng cực đối với pháp giới, tánh hư không, tận cùng biên vực vị lai, là bậc giác ngộ tối thanh tịnh. Phải biết những câu này do các câu khác phân biệt hiển thị, như vậy mới thành pháp tánh thiện thuyết.

“Giác ngộ tối thanh tịnh: Là giác ngộ tối thanh tịnh của Phật Thế Tôn, phải biết là hai mươi mốt thứ công đức của Phật là: Công đức hiểu biết hoàn toàn không chướng ngại chuyển đổi. Công đức đối với hữu vô không có hai tướng có thể hội nhập nơi chân như thanh tịnh tối thắng. Công đức, trụ nơi hành không công dụng Phật sự không dừng nghỉ. Công đức trong pháp thân làm chỗ dựa cho ý lạc tác nghiệp không sai biệt. Công đức tu tập đối trị hết thảy chướng ngại. Công đức hàng phục tất cả ngoại đạo. Công đức sinh tại thế gian không bị thế gian ngăn ngại. Công đức an lập chánh pháp. Công đức thọ ký. Công đức đối với mọi thế giới thị hiện thân thọ dụng thân biến hóa. Công đức đoạn trừ mọi nghi. Công đức khiến nhập vào vô số hạnh. Công đức nơi pháp vị lai sinh khởi diệu trí. Công đức như chỗ thắng giải thị hiện đầy đủ. Công đức nơi vô lượng chỗ dựa gia hạnh điều phục hữu tình. Công đức nơi pháp thân bình đẳng thành tựu viên mãn Ba-la-mật-đa. Công đức tùy chỗ thắng giải thị hiện cõi Phật sai biệt. Công đức hiện ba thứ thân Phật nơi phương xứ không phần hạn. Công đức tận cùng biên vực sinh tử thường hiện lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình. Công đức vô tận”.

Giải thích: “Giác ngộ tối thanh tịnh: Đây là câu đầu tiên do các câu khác khai hiển nghĩa của nó, như vậy mới gọi là khéo nói pháp tánh, là lấy nhiều đức để biện thuyết một đức.

“Công đức hiểu biết hoàn toàn không chướng ngại chuyển đổi: Đây là khai thị hiện hành bất nhị, là trí hoàn toàn không chướng ngại của Phật đối với tất cả phẩm loại sai biệt vô nhiễm, vô ngại, không phải như trí của Thanh-văn, Độc giác có hai thứ có xứ có chướng và có xứ không chướng, hoặc hai xứ hiện hành, còn Phật thì không có chỗ nói hai thứ hiện hành như vậy, nên gọi là hiện hành bất nhị, do đây gọi là giác ngộ tối thanh tịnh, vì có trí đoạn đại công năng viên mãn. Nơi các câu sau đều phải biết phối thuộc lẫn nhau như vậy. Công đức”Đối với hữu vô không có hai tướng có thể hội nhập nơi Chân như thanh tịnh tối thắng”. Đây là khai thị chỗ hướng tới pháp vô tướng, là chân như này có tướng Viên thành thật, không có tướng Biến kế sở chấp. Do đạo lý này, gọi là không hai tướng, vì vô hữu vô tướng là thật có, sự chấp về vô hữu, hữu tướng là không có. “Công đức thanh tịnh tối thắng có thể

nhập”, tức là chân như thanh tịnh tối thắng, là đệ nhất trong tất cả pháp, vì xa lìa tất cả khách trần cấu uế, đối với chân như này tự có thể nhập, cũng có thể giúp cho người khác nhập, nên gọi là công đức thanh tịnh tối thắng có thể hội nhập. Do đây phải biết phối thuộc như trước, vì đã mình đã thanh tịnh cũng khiến cho người khác thanh tịnh. “Công đức trụ nơi hành không công dụng thực hiện Phật sự”. Đây là khai thị trụ nơi Phật trụ, là không khởi công dụng đối với tất cả Phật sự, trong hữu tình không có gián đoạn, tùy chỗ thích ứng mà hằng an trụ đúng vào Thánh trụ, thiên trụ và phạm trụ, không giống như Thanh-văn phải khởi công dụng mới làm xong sự lợi hữu tình, không giống như ngoại đạo có chỗ trụ mà không phải thiên trụ thù thắng, tức là bốn thứ tĩn lực, phạm trụ, tức là bốn vô lượng như bi... Thánh trụ tức là không, vô tướng... công đức “Trong pháp thân chỗ dựa cho ý lạc tác nghiệp không sai biệt”, tức là khai thị đặc đến tất cả Phật tánh bình đẳng. “Chỗ dựa không sai biệt”, là tất cả đều nương vào trí thanh tịnh. “Ý lạc không sai biệt”, là tất cả đều có lợi ích an lạc cho mọi hữu tình đạt ý lạc thù thắng. “Tác nghiệp không sai biệt”, là tất cả đều khởi thân thọ dụng và thân biến hóa làm lợi cho kẻ khác, không giống như Thanh-văn, Độc giác chỉ có chỗ dựa. “Công đức tu tập đối trị mọi thứ chướng ngại”, tức là khai thị đến xứ vô chướng, là đã tập quen tất cả sự đối trị của Thánh đạo về phiền não chướng và đối tượng nhận thức chướng, hết thấy chủng trí tánh định tự tại đã đến chỗ dựa chốn nương dựa vĩnh viễn xa lìa mọi nẻo chướng ngại. Công đức hàng phục hết thấy ngoại đạo: Tức là khai thị pháp không thể chuyển, là hai pháp giáo và chứng đều không bị người khác lay chuyển, không có pháp nào khác vượt hơn pháp này. Công đức sinh tại thế gian, không bị pháp thế gian cản trở, ấy là khai thị việc làm không bị cản trở, trong đó chỗ thường hiện bày giảng thuyết gọi là chốn hành hóa, tuy hành tại thế gian nhưng không bị các thế gian pháp như Lợi, Suy... Ái, Sân... gây chướng ngại. Như có tụng nói:

Chư Phật thường du hành thế gian,

Lợi lạc tất cả loài hữu tình,

Tám pháp, gió nóng, phân biệt tà .

Không thể chướng ngại, không lay động.

Công đức “an lập chánh pháp: Là khai thị chỗ an lập của chánh pháp đó là bất khả tư nghì, mười hai phần giáo của khế kinh gọi là chỗ an lập. An lập các tự tướng và cộng tướng kia, an lập như vậy không phải cái biết, làm của các kẻ thiếu học, là xuất thế gian nên bất khả tư nghì, sự an lập này bất khả tư nghì, tức là sự phối hợp thuộc về công

đức như trước. “Công đức thọ ký”, là khai thị sự du hóa trong pháp tánh bình đẳng nơi ba đời là đối với pháp tánh bình đẳng ba đời có thể dạo chơi khắp, vì trong tánh bình đẳng của ba đời có thể tùyhiểu rõ các sự quá khứ vị lai đã từng chuyển và sẽ chuyển đều như hiện tại mà thọ ký. Công đức “Đối với hết thảy thế giới thị hiện thân thọ dụng thân biến hóa”, đây là khai thị các thân lưu hành khắp trong tất cả thế giới, là tùy chỗ hoá độ khắp thế giới, thị hiện hai thân tạo lợi lạc cho các hữu tình. Công đức “Đoạn trừ nghi”, là khai thị về tất cả trí pháp không vướng mắc, vì đối với tất cả cảnh khéo quyết định, không phải đối với các pháp tự không quyết định mà còn có thể quyết định nghi của kẻ khác, vì không phải lia quyết định mà có thể đoạn nghi. Công đức “Khiến nhập vô số hạnh”, là khai thị đối với tất cả hạnh thành tựu Đại giác. Công đức nơi “Pháp vị lai sinh diệu trí”, là khai thị đối với các pháp trí, không có nghi hoặc, là bảo các Thánh Thanh-văn rằng: “Đây là toàn phần thiện, không có phần ít thiện cần mà xả bỏ”! Đức Phật Bạc-già-phạm biết Thanh-văn ấy về sau pháp thiện sẽ sinh, hiện tại chứng biết Thanh-văn kia đời khác là chỗ đeo đuổi của chúng tử thiện căn nhỏ ít. Công đức “Như thắng giải thị hiện đầy đủ”, là khai thị hiển thân thì không thể phân biệt, là tùy vô số thắng giải của hữu tình mà hiện kim sắc, tuy hiện thân này mà không phân biệt, như ngọc Mạt-ni và Tiêu địch... nói rộng như trong kinh Như Lai mật. Công đức nơi “Vô lượng chỗ dựa gia hạnh điều phục hữu tình”: là khai thị tất cả sự cầu đạt trí của Bồ-tát, là do vô lượng chỗ dựa của Bồ-tát, vì muốn điều phục các hữu tình nên phát khởi diệu lực gia hạnh tăng thượng của Phật, lấy sự nghe pháp làm đầu để đắc diệu trí, dị loại Bồ-tát thân nhận phó chúc, lần lượt nối tiếp, vô gián mà chuyển, do đây mà chứng đắc tất cả trí cầu đạt tới của Bồ-tát. Công đức nơi pháp thân bình đẳng thành tựu viên mãn các Ba-la-mật-đa”, là khai thị đặc trụ không hai nơi bờ giác thù thắng của Phật, là không hai nên bình đẳng, nương vào pháp bình đẳng thân mà quả vị Ba-la-mật-đa thành mãn. Hoặc bình đẳng, là không giảm không tăng, trong pháp thân tất cả Ba-la-mật-đa được thành mãn, trong đó không có hoặc tăng hoặc giảm, không giống như Ba-la-mật-đa trong địa Bồ-tát kia có tăng có giảm.

Công đức “Tùy thắng giải thị hiện cõi Phật sai biệt”, là khai thị diệu trí giải thoát cứu cánh của Như Lai không gián đoạn xen tạp là quán chúng sinh giải thoát sai biệt, hiện vô số cõi Phật với vàng, bạc không xen tạp. Khi thắng giải của Thế Tôn hiện tiền thì tùymọi người ưa thích những gì đều được hiển hiện, không điều gì không biết rõ, nên

gọi là diệu trí giải thoát của Như Lai hoàn toàn rốt ráo, thắng giải ở đây là nói giải thoát.

Công đức nơi ba thứ thân Phật hiện hữu khắp phương xứ không phần hạn”, là khai thị chứng Phật địa bình đẳng, không biên giới. Là như thế giới không có trung tâm và biên giới, Phật địa cũng vậy, công đức và phương xứ không có phần hạn, hoặc là phương xứ của thế giới vô biên, ngay trong ba thân của các Phật cũng xứng với thế giới vô lượng đầy khắp bình đẳng vì pháp thân thường trụ, như vậy trong các thế giới không phải nơi nào khác, hoặc pháp thân bình đẳng hiện khắp trong Phật địa, không có trung tâm, không có biên giới, không có phần hạn, pháp thân này hiện khắp tất cả xứ, vì các chúng sinh hiện khởi lợi ích, nhưng tự tánh không phải vô trung, vô biên.

Công đức tận cùng biên vực sinh tử thường hiện lợi ích an lạc cho mọi loài hữu tình, là khai thị cùng cực đối với pháp giới, vì pháp giới này tối thanh tịnh, có thể khởi các pháp của khế kinh đẳng lưu, cùng cực pháp giới này đối với tất cả hữu tình trong đời vị lai, như sự thích ứng của họ, thường có thể hiện khởi lợi ích an lạc.

“Công đức vô tận...” là khai thị tánh tận hư không, là hư không kia lấy vô chướng ngại làm tánh, đối với vật có đối lập lấy không chướng ngại làm nghiệp. “Tánh”, là giới (cõi), vì giữ lấy tự tướng, không phải một khoảng hang trống sáng tối làm tận cùng của tánh, như vậy hư không làm đề mục cho tánh, không biên vô tế như hư không kia, không tận không giảm, không sinh không diệt, không có biến dịch, trong tất cả thời hiện tiền dung chứa lãnh thọ tất cả chất ngại, pháp thân cũng vậy, thường hiện tiền khởi tất cả lợi lạc cho hữu tình làm tướng, tận cùng tất cả cõi, làm các sự làm lợi ích của chúng sinh không có ngại ngại. “Đẳng (vân vân...)”, là đồng lấy công đức cứu cánh, là khai thị cùng tận đời vị lai, là công đức cùng tận đời vị lai này thường không gián đoạn, cùng tận nơi vị lai, không có bờ mé của biên vực, là hiển công đức của Phật vĩnh viễn không có cùng tận, chỗ giáo hoá hữu tình vĩnh viễn không có cùng tận.

Sự trang nghiêm của công đức này, là giác ngộ tối thanh tịnh, đã làm sáng tỏ sự giác ngộ tối thắng của đức Bạc-già-phạm khác với Thanh-văn, Độc giác và Bồ-tát. Làm thế nào mà đặc giác ngộ tối thanh tịnh này? Cho nên tiếp theo là nói “hiện hành bất nhị”. Các Thanh-văn, Độc giác đối với cảnh nơi đối tượng nhận thức có hai hiện hành, gọi là chánh trí không nhiễm vô trí, Phật không có trí này nên trí đức viên mãn. Vì hiển đoạn đức của Như Lai viên mãn nên tiếp theo nói “Tiến

đến pháp vô tướng không trụ tướng sinh tử, Niết-bàn”. Dùng phương tiện gì để đắc Niết-bàn này? Tiếp theo nói “Trụ nơi Phật trụ”. Do đức Bạc-già-phạm đối với đại bi không khéo an trụ nên không trụ sinh tử, không trụ Niết-bàn. Như vậy Phật trụ cùng với các vị khác trụ là cộng hay là bất cộng? Tiếp theo nói “Đắc tánh bình đẳng của tất cả Phật”, tất cả hành tướng của các Phật lần lượt hoà hợp đan xen mà trụ. Như vậy đã nói tự lợi viên mãn, sau đó phải rộng nói lợi tha viên mãn. Để hiển đắc tất cả chỗ hoá đối trị chướng ngại, do đấy tiếp theo nói “Đến xứ vô chướng”. Có các ma chướng..., có thể làm thối chuyển pháp, có thể chuyển hữu tình làm việc nghĩa lợi, hiện tại ở đây không có các sự đó, nên tiếp theo nói “Pháp không thể chuyển”. Trong mọi việc làm lợi ích an lạc cho hữu tình, không có cao thấp có thể gây chướng ngại, nên tiếp theo nói “Việc làm vô ngại”. Nướng vào phương tiện này có thể làm chuyện lợi ích cho hữu tình, vì thế tiếp theo nói “Chỗ an lập bất khả tư nghì”. Như vậy Gia hạnh, chư Phật Thế Tôn làm tánh bình đẳng, vì mỗi thứ đều sai biệt. Nếu không như thế thì thân nào giáo hóa trong pháp tánh bình đẳng ba đời? Ba đời chư Phật làm việc lợi ích cho hữu tình đều tương tự, như vậy thì sự làm lợi ích cho hữu tình, thì trong từng thế giới thứ tự đầy khởi hay sao? Nếu không như thế thì thân nào lưu hành khắp tất cả thế giới, mau chóng trong tất cả các thế giới hiện thành Phật. Vì làm rõ khả năng đoạn trừ đối với chỗ sinh khởi nghi của các xứ kia, nên tiếp theo nói “Đối với tất cả pháp trí không có nghi vướng”. Vì chỗ hoá độ hữu tình với chủng tánh riêng khác, như chỗ thích ứng của nó mà theo phương tiện hoá độ chỉ dẫn. Để làm rõ trí phương tiện này, nên tiếp theo nói “Đối với tất cả hạnh thành tựu Đại giác”, tức là nướng vào sự hoá độ hữu tình như vậy hữu năng vô năng và thiện xảo sai biệt, vì thế phần tiếp theo nói “Đối với tất cả pháp trí không có nghi hoặc” là đối với sự hoá độ hữu tình trong tà, chánh và cùng hành, sự hiển hiện tương bất khả phân biệt. Để hiển sự này, phần tiếp theo nói “Hễ là hiện thân thì không thể phân biệt”. Dẫn phát nắm giữ chủng tánh bất định nơi hàng Thanh-văn Bồ-tát nên tán thán Đại thừa. Để hiển sự này, phần tiếp theo nói “Chỗ cầu đạt trí của tất cả Bồ-tát...”. Vì ngăn cản mà các loài hữu tình được giáo hoá đã gán cho Đại sư nghi Nhất thiết trí không phải Nhất thiết trí, nên phần tiếp theo nói “Đắc trụ vô nhị nơi bờ giác tối thắng của Phật”. Nghe những lời của chư Phật đắc bình đẳng, tức là tất cả phải đồng một tánh. Để ngăn cản nghi này, nên tiếp theo nói “Giải thoát cứu cánh diệu trí của Như Lai không xen tạp”. Tướng của phi nhất phi dị là thế nào? Để đáp câu hỏi này nên tiếp theo nói “Chứng

Phật địa không trung biên, bình đẳng nơi thường-vô thường...”. Tất cả đều là tướng hai biên gồm thâu. Thế nào là vô tướng? Để tránh vấn nạn này nên tiếp theo nói “cùng cực đối với pháp giới”. Nói tối thanh tịnh là các hý luận, là tướng pháp giới, chủng loại như vậy, tạo sự lợi ích chúng sinh, để hiển trải qua bao nhiêu thời gian nên tiếp theo nói: “Tận tánh hư không cùng tận đời vị lai”.

Luận nói: “Lại nữa, do xứ nghĩa, nếu như nói các Bồ-tát thành tựu ba mươi hai pháp nên gọi là Bồ-tát, là vì đối với tất cả hữu tình khởi lợi ích an lạc tăng thượng ý lạc, giúp họ nhập trí của Nhất thiết trí. Tự biết ta nay nhờ vào trí nào, điều phục kiêu ngạo, ý lạc thù thắng bền vững, không phải giả thương xót, tâm bình đẳng đối với người thân và không thân, vĩnh viễn làm bạn tốt cho đến Niết-bàn làm hậu biên, vì xứng với lượng mà nói, vì mỉm cười trước khi nói, vì đại bi vô hạn, vì đối với việc mà mình nhận không yếu kém thối lui, vì không có ý mỗi một, vì nghe nghĩa không chán, đối với tự mình làm tội thì thấy thấy lỗi sâu xa, đối với người khác phạm tội thì không sân hận mà dạy bảo, trong tất cả oai nghi hằng tu trị tâm Bồ-đề, không mong dị thực mà hành thí, không nương vào tất cả cõi Hữu mà hành giới. Đối với các hữu tình không có nóng giận chướng ngại mà hành nhẫn. Muốn thâu nhận tất cả pháp thiện mà siêng năng tinh tấn. Xả cõi Vô sắc nên tu tĩnh lực, phương tiện tương ứng mà tu Bát-nhã, do bốn nhiếp sự mà gồm thâu mọi phương tiện. Đối với trì giới phá giới thiện hữu không hai, tâm ân cần tôn trọng nghe chánh pháp, tâm ân cần tôn trọng trụ A-luyện-nhã, không ưa thích tạp sự thế gian. Đối với các thừa thấp kém chưa từng ưa thích. Trong đại bi thấy công đức sâu xa. Xa lìa bạn ác, thân cận thiện hữu, hằng tu trị bốn phạm trụ. Thường du hí với năm thần thông, trí y thú, đối với các hữu tình trụ chánh hạnh và không trụ chánh hạnh đều không xả bỏ, vì nói quyết định, vì trọng đế thật, tâm đại Bồ-đề hằng làm đầu. Những câu như vậy phải biết đều là sự sai biệt của câu đầu tiên, là đối với tất cả hữu tình khởi ý lạc tăng thượng đem lại lợi ích an lạc.

“Câu ý lạc tăng thượng lợi ích an lạc này có mười sáu nghiệp sai biệt, phải biết mười sáu nghiệp trong đây là: 1. Nghiệp lần lượt gia hạnh. 2. Nghiệp không điên đảo. 3. Nghiệp tự nhiên gia hạnh không chờ người thỉnh. 4. Nghiệp bất động hoại. 5. Nghiệp không cầu nhiễm, nghiệp này phải biết có ba câu sai biệt, là vì không nhiễm buộc, đối với ân và phi ân không có ái giận, đời đời hằng tùy chuyển. 6. Nghiệp tương xứng ngữ thân, nghiệp này phải biết có hai câu sai biệt. 7. Nghiệp bình đẳng trong lạc trong khổ trong vô nhị. 8. Nghiệp không thấp kém.

9. Nghiệp không thối chuyển. 10. Nghiệp tóm thâu phương tiện. 11. Nghiệp không chán ác đối trị, nghiệp này phải biết có hai câu sai biệt. 12. Nghiệp không tác ý vô gián. 13. Nghiệp hành thắng tấn, nghiệp này phải biết có bảy câu sai biệt, là sáu Ba-la-mật-đa chánh gia hạnh, và bốn nhiếp sự chánh gia hạnh. 14. Nghiệp gia hạnh thành mãn, nghiệp này phải biết có sáu câu sai biệt, là thân cận thiện sĩ, nghe chánh pháp, trụ A-luyện-nhã, lìa tâm từ ác, tác ý công đức, công đức này lại có hai câu sai biệt. Trụ bạn công đức, công đức này phải biết lại có hai câu sai biệt. 15. Nghiệp thành mãn, nghiệp này phải biết có ba câu sai biệt: Vô lượng thanh tịnh, đắc đại oai lực, chứng đắc công đức. 16. Nghiệp an lập, nghiệp này phải biết có bốn câu sai biệt: Các công đức, quyết định không nghi giáo thọ dạy bảo, tài pháp hợp nhất, tâm tịnh vô nhiễm. Những câu như vậy phải biết đều là sai biệt của câu đầu tiên”.

Giải thích: ba mươi hai pháp do mười sáu nghiệp hiển thị phân biệt nói những nghiệp đó.

“Ý lạc tăng thượng lợi ích an lạc”, hoặc là có lợi ích mà không phải an lạc, như người đầy tham mà gượng tu phạm hạnh, hoặc có an lạc mà không phải lợi ích, như người lạc dục, thọ dụng tất cả các thứ cảnh giới có tội, hoặc có lợi ích cũng là an lạc, như người bị nhiễm ít trần thích tu phạm hạnh. Trong đó Bồ-tát khởi tâm như vậy, làm thế nào để khiến cho tất cả hữu tình sẽ đắc lợi ích an lạc Vô thượng. “Ý lạc”, là lấy dục và thắng giải làm tự tánh, vì ý lạc này thù thắng nên gọi là ý lạc tăng thượng.

“Giúp nhập trí của Nhất thiết trí” là sự giải thích về nghiệp lần lượt gia hạnh, ví như một ngọn đèn mỗi đốt cho hàng ngàn ngọn đèn khác, do nghiệp này mà lợi ích an lạc nơi ý lạc tăng thượng được hiển hiện. Như vậy trong những câu sau, ý nghĩa lợi ích an lạc nơi ý lạc tăng thượng đều phải phối hợp để giải thích.

“Tự biết ta nay nhờ vào trí nào”, là sự giải thích vì nghiệp không điên đảo, hoặc có lợi lạc nơi ý lạc tăng thượng mà là điên đảo, nên phải “Tự biết ta nay nhờ vào trí nào”, do trí này nên nói nghiệp không điên đảo, là ta chỉ có văn huệ như vậy, biết rõ giáo, tự chứng có thể nhận lãnh, khởi tùy chỗ thích ứng gia hạnh vô đảo. Như có tụng nói:

*Chư hữu tự xưng lượng,
Dốc cầu nơi mình cầu,
Kia không đợi lao nhọc,
Có thể đến chỗ đến.*

Những bài tụng như vậy sẽ nói rộng.

“Tồi phục kiêu ngạo”, là sự giải thích về nghiệp tự nhiên gia hạnh không chờ người khác thỉnh, người khác tuy không thỉnh nhưng tự nhiên đến chỗ đó nói giảng chánh pháp cho họ.

“Thắng ý lạc bền vững”, là sự giải thích về nghiệp bất động hoại, vì sinh tử và các khổ không thể động hoại sự phát tâm.

“Không phải giả thương xót, vì tâm bình đẳng đối với người thân và không thân. Vĩnh viễn làm bạn tốt cho đến Niết-bàn làm hậu biên”, là sự giải thích ba thứ sai biệt của nghiệp không cầu nhiễm, nếu có ái nhiễm trói buộc là do nhân ái nhiễm, giả thương xót tạm thời thâm nhận; nếu không có ái nhiễm trói buộc thì không phải giả thương xót, vì trong tất cả thời hằng không xả ly, nếu nương vào ái nhiễm mà khởi thương xót, thì đối với người thân và không thân có yêu có sân, tâm không bình đẳng. Nếu không có tâm nhiễm thì đối với hai phẩm bình đẳng mà chuyển. Nếu có ái nhiễm mà khởi thương xót, thì chỉ đến khi mạng chung thì sự thương xót mới tùy chuyển. Nếu không có ái nhiễm mà sinh sự thương xót, thì tâm sự thương xót trong đời đời hằng tùy chuyển, do đó Bồ-tát đến Niết-bàn mới vĩnh viễn làm thiện hữu.

“Xứng với lượng mà nói, vì mỉm cười trước khi nói”, đây là hai thứ tướng lợi ích an lạc nơi ý lạc tăng thượng, là sự giải thích về xứng thân nghiệp và ngữ nghiệp.

“Đại bi vô hạn” là sự giải thích về nghiệp bình đẳng. Nếu chỉ vì khổ mà khởi đại bi, thì một phần của nghiệp phi lạc, phi xả, phi bình đẳng chuyển. Đại bi của Bồ-tát đối với lạc đối với khổ và phi khổ lạc, sự giáo hóa hữu tình bị các khổ sinh tử đeo đuổi, đều thương xót bình đẳng không có sai biệt, nên nói nghiệp này là nghiệp bình đẳng.

“Đối với sự đã nhận không yếu kém thối lui” là sự giải thích về nghiệp không yếu kém, chuyên vì cứu độ tất cả hữu tình, cũng như cái gánh nặng, thấy gánh nặng này tâm không khiếm nhược sợ sệt, không từ bỏ cần cù khổ nhọc, như sức gánh vác mà làm xong việc, nên nói là nghiệp không yếu kém.

“Không có ý chán mệt” là sự giải thích về nghiệp không thối chuyển, sự hoá độ hữu tình có kể hành tà ác vẫn không khả năng làm mình thối chuyển, vì lợi ích an lạc nơi ý lạc tăng thượng.

“Nghe nghĩa không nhàm chán” là sự giải thích về nghiệp thâm tóm phương tiện, nghe là chỗ nghe các pháp của khế kinh, không phải nghe tràn lan, nghĩa là nghĩa được nêu giảng của kinh pháp, đối với sự nghe nghĩa này thường không chán đủ, đây là tánh phương tiện thiện xảo có thể thành thực hữu tình nên gọi là nghiệp thâm tóm phương tiện,

nghe nghĩa không đủ như khả năng có thể lãnh nhận, phải đúng đạo lý mà hoá độ dẫn dắt.

“Đối với mình, phạm tội thì thấy thấy lỗi sâu xa, đối với người khác phạm tội thì không sân hận mà dạy bảo”, đây là sự giải thích về nghiệp chán ác đối trị, cái phải đối trị trong đây là tham, sân... vì muốn khiến xa lìa nên gọi là chán ác. Nếu đối với mình phạm tội mà thấy lỗi sâu xa thì mau chóng chán lìa, mới có thể điều phục được việc không nên làm của người khác, lời nói, oai nghi đều nghiêm túc nên không phải ngoài khả năng điều phục. Như kệ kinh nói:

*Nếu tự sống tà hạnh,
Thì bị người chê trách,
Người đó rốt không thể,
Điều phục lỗi người khác.*

Thế tục cũng nói:

*Nếu tự phạm tội lỗi,
Nhiều lần không quán sát,
Không như lý xa lìa,
Kiêu mạn không giữ đức.*

Nếu ôm lòng giận dữ mà dạy bảo sự sai phạm của người là không lợi ích, phi phương tiện, lời nói không có oai nghi nghiêm túc thì người kia chuyển nghịch lại mà khởi các hạnh tà. Như có tụng nói:

*Thương xót như con một,
Chỉ dạy chỗ sai phạm,
Quyết định khiến thọ trì,
Sau đó không phạm nữa.*

“Trong tất cả oai nghi, hằng tu trị tâm Bồ-đề”, đây là sự giải thích về nghiệp tác ý vô gián, khắp trong tất cả việc đã làm, liên tục tu trị tâm Bồ-đề, như trong kệ kinh sở hành thanh tịnh nói:

*Nếu khi thấy ngòi,
Phát tâm như vậy,
Nguyện các chúng sinh,
Ngồi toà Bồ-đề.*

Những bài tụng như vậy nên nói rộng.

“Không mong dị thực mà hành thí” cho đến “Do bốn nhiếp sự mà thâm tóm phương tiện”, đây là sự giải thích bảy câu sai biệt về nghiệp hành thắng tấn, tức là sáu Ba-la-mật-đa và bốn nhiếp sự, lìa như đã thuyết và đã trị lỗi... trong địa cực hỷ và các địa sau chuyển đắc tăng thắng hưởng tới thành mãn. Nhân gọi là nghiệp, là việc đã tạo tác.

Trong đây có bốn thứ Ba-la-mật-đa dễ hiểu nên không giải thích, có sai biệt thì bây giờ sẽ lược giải thích.

“Xả bỏ cõi Vô sắc nên tu tĩnh lực” là Bồ-tát không sinh trong cõi Vô sắc, vì đối với cõi đó không thấy có thể làm lợi lạc cho hữu tình, cũng không niệm nhập đẳng chí vô sắc, vì không thấy chỗ dựa của xứ đó có nhiều công đức, xả nghĩa là lìa.

“Phương tiện tương ứng mà tu Bát-nhã” là đại bi tương ứng tu tập diệu huệ, có khả năng làm các sự lợi lạc cho hữu tình. Nếu không có phương tiện này, thì đối với các sự lợi ích an lạc hữu tình đáng lẽ không có. Chuyên vì sự này mà cầu quả Phật, như có tụng nói:

*Song tu tập huệ bi,
Giỏi làm lợi cho người,
Hạnh lợi tha chánh đạo,
Hoàn toàn đến Bồ-đề.*

“Bốn nhiếp sự” là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Do bố thí nên có thể thu nhận người khác, do ái ngữ nên có phương tiện khai thị vì họ mà thuyết pháp tương, do lợi hành nên tùy chỗ thích ứng mà khuyến khích người kia tu thiện, do đồng sự nên đến cuối cùng khiến người kia đồng đắc công đức bất cộng. Hoặc do bố thí có thể khiến thành pháp khí, do ái ngữ nên đắc pháp thắng giải, do lợi hành nên nương vào pháp thắng giải mà phát chánh hạnh, do đồng sự có thể khiến cho sự khởi hành chuyển đắc thanh tịnh, chuyển thành vi diệu. Do bốn nhiếp này mà gồm thu đủ tự tánh phương tiện.

“Đối với trì giới, phá giới đều coi thiện hữu, vô nhị” cho đến “Vi thân cận thiện hữu”, đây là sự giải thích sáu câu sai biệt về nghiệp gia hạnh thành mãn. Do gia hạnh này có thể khiến thành mãn nên gọi là gia hạnh thành mãn. Đây tức là nghiệp, do sáu câu thân cận thiện sĩ..., giải thích sự nói tám câu của kinh. Công đức tác ý và công đức trợ bạn, mỗi giải thích đều có hai câu, là Thi-la thiện nên gọi là trì giới, là ác Thi-la nên gọi là phá giới, người đối với hai thứ này có thể thuyết pháp là vì nghe pháp, vì cung kính pháp nên khởi thiện hữu tướng, không có sai biệt nên nói “Thiện hữu vô nhị”. Do nhân duyên đó, đối với người phá giới không nên hoàn toàn lìa bỏ họ, cho là phi thiện hữu. Như có tụng nói:

*Nếu có đủ giới tuy yếu kém,
Nhưng giỏi biện thuyết lợi nhiều người,
Như Phật Đại sư nên cúng dường,
Thích kia khéo thuyết nên tương trợ.*

“Tâm ân cần tôn trọng nghe chánh pháp” là như trong sự nói rộng nghĩa... do mười sáu hạnh phải nghe chánh pháp.

“Tâm ân cần tôn trọng trụ nơi A-luyện-nhã”, là lìa xa xóm làng hơn một Câu-lô-xá gọi là A-luyện-nhã, dừng lại trong A-luyện-nhã đó gọi là trụ, như thích ứng mà trụ. Không có kiêu mạn và trì huẩn gọi là tâm ân cần tôn trọng.

“Đối với tạp sự nơi thế gian không ưa thích” là không thích các thứ tạp sự như ca múa cười đùa của thế gian, tức là xa lìa dục... tương ứng với tâm tư bất chánh.

“Công đức tác ý” là Thanh-văn, Độc giác thừa thì xả ái, công đức Đại thừa thì tương ứng ái.

“Công đức trợ bạn”, là xa lìa ác hữu, thân cận thiện hữu.

“Hằng tu trị bốn phạm trụ, thường du hí năm thần thông, trí y thú”, đây là giải thích về nghiệp thành mãn, tướng thành mãn gọi là nghiệp thành mãn. Nghiệp thanh (tiếng nghiệp) trong đây là biệt danh của tướng, ba câu vô lượng thanh tịnh, đặc đại oai lực, chứng đắc công đức, là giải thích ba câu hằng tu trị bốn phạm trụ. Bốn thứ vô lượng từ bi hỷ xả gọi là bốn phạm trụ. Do đây có thể biết hết thấy nội đức thành mãn thanh tịnh nên đặc tướng thanh (tiếng tướng), du hí năm thần thông gọi là oai lực, trí thông lậu tận là trí giải thoát gọi là đại oai lực, hoặc coi thần thông tăng thượng của Bồ-tát gọi là đại oai lực, như vậy cũng gọi là tướng của thành mãn.

“Công đức chứng đắc” là đã chứng đắc hiện tiền tự tại, đây là giải thích trí y thú, mỗi mỗi đều nội chứng riêng gọi là trí y thú, không chỉ đối với nghĩa y thú, mà còn đối với thức phi tịch tĩnh, đối với trụ chánh hạnh và không trụ chánh hạnh...

“Nghiệp an lập”, là sự giải thích của bốn câu sai biệt, do đây mà an lập lợi ích an lạc nơi ý lạc tăng thượng, đây tức là nghiệp, nên gọi là an lập nghiệp đó.

“Dẫn dắt các công đức” là đối với hữu tình phạm giới và trì giới mà xua đuổi và thâm nhận, đều muốn khiến ra khỏi xứ bất thiện mà an lập xứ thiện gọi là không từ bỏ.

“Ngôn từ quyết định” là quyết định không nghi ngờ giáo thọ dạy bảo, là vì lời nói oai nghi nghiêm túc. Nếu lời nói bất định thì không có oai nghi nghiêm túc.

“Trọng đế thật” là tài pháp hợp nhất, tức là tài và pháp thâm tóm thành một, tích tụ tài pháp không phân biệt khác nhau, bình đẳng phân bố như điều đã hứa trước kia, thí như vậy và trừ bỏ chỗ hiện tại không

có. Như có tụng nói:

*Tài cúng dường khiến cho,
Chúng sinh tận thọ mạng,
Pháp cúng dường khiến cho,
Thiên cứu cánh tịch tĩnh.*

“Tâm đại Bồ-đề hằng làm đầu”. Đây là sự giải thích về tâm không tạp nhiễm, do sự thâm nhận của tâm Bồ-đề nên hễ có sự tạo tác thì rốt cùng không tham cầu sự cúng dường của người khác, chỉ cầu chứng đắc Bồ-đề Vô thượng.

Luận nói: “Như nói:

*Vì do câu đầu tiên,
Câu chửi loại đức riêng,
Vì do câu đầu tiên,
Câu sai biệt nghĩa riêng”.*

Giải thích: Trong Đà-tha (kệ) này, nghĩa dễ hiểu, không nhọc giải thích lại.

